

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Vũ Thị Kiều O, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ X, ấp O, xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Lại Văn Tr, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường Ng, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở: Số A, đường H, Tổ Y, khu phố Z, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/3/2019, các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn với nội dung như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kiều O và ông Lại Văn T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C Tr II (nay là xã C T), huyện B, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống giữa bà O và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Bà O và ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà O và ông T đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Vũ Thị Kiều O và ông Lại Văn T có 01 con chung tên Lại Vũ Uy P, sinh ngày 24/01/2014. Bà O và ông T thống nhất giao cháu Lại Vũ Uy P cho bà O

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thỏa thuận của bà O và ông T phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Vũ Thị Kiều O và ông Lại Văn T thỏa thuận ông Trung cấp dưỡng cho cháu Lại Vũ Uy P mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/3/2019 đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kiều O và ông Lại Văn T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 22/3/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2012, quyển số 01/2012 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã C Tr II (nay là xã C T), huyện B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Lại Văn T và bà Vũ Thị Kiều O không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Lại Vũ Uy P, sinh ngày 24/01/2014 cho bà Vũ Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lại Văn T cấp dưỡng cho cháu Lại Vũ Uy P mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/3/2019 đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lại Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thị Kiều O nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Lại Văn T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033599 ngày 14/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một;
- UBND xã C T, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Tấn